

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/DS-ST,
Ngày 24/3/2021,
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông **Lâm Ngọc Hà**

2/. Ông **Nguyễn Văn Ngư**

Thư ký Tòa án: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-DS ngày 27/01/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-DS, ngày 25/02/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Ngân hàng Thương mại Cổ phần B**;

Địa chỉ: Tòa nhà C, số 109, đường Đ, phường N, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Doãn S** - Chức vụ: tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tấn D** - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Người được ủy quyền của ông Duy: Ông **Lâm Thanh T** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 56, đường P, phường 7, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu (Theo giấy ủy quyền số 862A/2020/UQ-LienVietPostBank.BL, ngày 20/6/2020).

2. Bị đơn: Ông **Triệu Văn B**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B ngày 13/4/2020 trình bày:

Ngày 26/7/2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (PostBank), có cho ông Triệu Văn B vay số tiền 210.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 9202017265 ngày 26/7/2017, lãi suất 12%/năm, cố định đến 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi hàng tháng, số tiền nợ phải trả tính theo dư nợ thực tế. Ngày 27/7/2017, ông Triệu Văn B đã ký giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số KU9200171265/01 như sau: Số tiền nhận nợ: 210.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng (mua sắm đồ gia dụng, sửa chữa nhà ở), thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày 27/7/2017 đến ngày 27/7/2022, lãi suất cho vay: 12%/năm, cố định 03 tháng, kể từ ngày giải ngân. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi vào ngày 20 hàng tháng. Số tiền nợ gốc phải trả từ kỳ 01 đến kỳ 59 là 3.500.000 đồng, kỳ cuối trả 3.500.000 đồng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên ngày 20/8/2017, kỳ trả nợ gốc cuối cùng ngày 27/7/2022.

Kể từ ngày 20/12/2018, ông Triệu Văn B không trả nợ đúng hạn, phát sinh nợ quá hạn, vi phạm hợp đồng nhiều lần, nhưng không khắc phục theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B. Tính đến ngày 13/4/2020, tổng số tiền nợ mà ông B phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B là: 128.156.740 đồng, cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 119.000.000 đồng

- Nợ lãi: 9.156.740 đồng (Trong đó; lãi trong hạn: 7.918.399 đồng, lãi quá hạn: 1.238.341 đồng).

Như vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

1. Buộc ông Triệu Văn B phải có nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B theo hợp đồng tín dụng số 9202017265 ngày 26/7/2017, với tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 13/4/2020 là: 128.156.740 đồng, cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 119.000.000 đồng

- Nợ lãi: 9.156.740 đồng (Trong đó; lãi trong hạn: 7.918.399 đồng, lãi quá hạn: 1.238.341 đồng).

2. Kể từ ngày 13/4/2020 cho đến khi chưa thanh toán công nợ, ông Triệu Văn B phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Tòa, và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với ông Triệu Văn B là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để cung cấp lời khai, tham gia phiên hòa giải, nhưng ông Triệu Văn B đều vắng mặt không có lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và yêu cầu của đương sự:

[2] Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B về việc nguyên đơn khởi kiện ông Triệu Văn B. Khi thụ lý đã xác định "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Tuy nhiên, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử đã xác định lại là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nơi ông B cư trú, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về nội dung cho thấy: Ngày 26/7/2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, có cho ông Triệu Văn B vay số tiền 210.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 9202017265 ngày 26/7/2017, lãi suất 12%/năm, có định đến 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi hàng tháng, số tiền nợ phải trả tính theo dư nợ thực tế. Ngày 27/7/2017, ông Triệu Văn B đã ký giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số KU9200171265/01 như sau: Số tiền nhận nợ: 210.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng (mua sắm đồ gia dụng, sửa chữa nhà ở), thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày 27/7/2017 đến ngày 27/7/2022, lãi suất cho vay: 12%/năm, có định 03 tháng, kể từ ngày giải ngân. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi vào ngày 20 hàng tháng. Số tiền nợ gốc phải trả từ kỳ 01 đến kỳ 59 là 3.500.000 đồng, kỳ cuối trả 3.500.000 đồng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên ngày 20/8/2017, kỳ trả nợ gốc cuối cùng ngày 27/7/2022.

Kể từ ngày 20/12/2018, ông Triệu Văn B không trả nợ đúng hạn, phát sinh nợ quá hạn, vi phạm hợp đồng nhiều lần, nhưng không khắc phục theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B. Tính đến ngày 13/4/2020, tổng số tiền nợ mà ông B phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B. Đồng thời, trong suốt quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn ông Triệu Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản trả lời, không có ý kiến gì về nội dung vụ án.

[4] Như vậy, giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B và bị đơn ông Triệu Văn B có ký hợp đồng tín dụng vay với số tiền 210.000.000 đồng với mục đích để mua sắm đồ gia dụng và sửa chữa nhà ở, có xác nhận chữ ký của ông Triệu Văn B. Đây là hợp đồng tín dụng có lãi suất, các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên tinh thần tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ và buộc các bên phải thực hiện hợp đồng, theo đó bên Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (bên cho vay) còn việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền là ông B (bên nhận vay) và nhận tiền vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền cho Ngân hàng, nên ông B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên tại phiên tòa, mặc dù người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời đối chiếu qua bảng tính gốc và lãi, thì đối với số tiền vốn vay 210.000.000 đồng và tiền lãi 62.150.877 đồng, phía bị đơn đã trả số tiền vốn là 91.500.000 đồng và tiền lãi là 45.019.617 đồng. Do đó, cần buộc bị đơn ông Triệu Văn B phải trả tiền cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B vốn còn lại là 118.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/7/2017 tính đến 20/3/2020 là 03 năm 08 tháng 22 ngày, lãi suất 12%/năm và 1%/tháng x 03 năm 08 tháng 22 ngày với số tiền vốn và lãi là 145.343.514 đồng là có căn cứ. Cụ thể:

Nợ gốc: 118.500.000 đồng

Lãi trong hạn: 17.131.260 đồng

Lãi quá hạn: 9.712.258 đồng

Tổng cộng vốn và lãi là: 145.343.518 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần B được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí. Bị đơn ông Triệu Văn B phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án theo quy định của pháp luật. Cụ thể: 145.343.518 đồng x 5% = 7.267.000 đồng (đã tính tròn số).

Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (đã được sửa đổi, bổ sung); khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần B. Buộc ông Triệu Văn B phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền còn nợ gốc và lãi tổng cộng là:

Nợ gốc: 118.500.000 đồng

Lãi trong hạn: 17.131.260 đồng

Lãi quá hạn: 9.712.258 đồng

Tổng cộng vốn và lãi là: 145.343.518 đồng.

2. Kể từ ngày 21/3/2021, ông Triệu Văn B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Triệu Văn B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Triệu Văn B phải chịu 7.267.000 đồng (đã tính tròn số) án phí có giá ngạch.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.203.919 đồng, theo biên lai số 0005169 ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- TAND tỉnh ST;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Nguyễn Văn Nhấn